

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐẠNG VĂN NGŨ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022-2023
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: học sinh

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1094	182	186	229	229	268
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số)	1094	182	186	229	229	268
III	Số học sinh chia theo năng lực.						
1	Tự phục vụ, tự quản	1094	182	186	229	229	268
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)						
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)						
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
2	Hợp tác	1094	182	186	229	229	268
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)						
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)						
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
3	Tự học và giải quyết vấn đề	1094	182	186	229	229	268
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	555 (86,3%)	161 (90,4%)	92 (74,2%)	128 (84,2%)	29 (96,7%)	145 (91,2%)
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	88 (13,7%)	17 (9,6%)	32 (25,8%)	24 (15,8%)	1 (3,3%)	14 (8,8%)
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
IV	Số học sinh chia theo phẩm chất.						
KHOẢ 1, 2, 3							
1	Yêu nước						
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)						
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)						
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Nhân ái						
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)						
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)						
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
3	Chăm chỉ						



a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)						
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)						
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
4	Trung thực						
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)						
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)						
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
5	Trách nhiệm						
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)						
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)						
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
KHỐI 4, 5							
1	Chăm học chăm làm	643	178	124	152	30	159
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	553 (86%)	164 (92,1%)	94 (75,8%)	126 (82,9%)	29 (96,7%)	140 (88%)
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	90 (14%)	14 (7,9%)	30 (24,2%)	26 (17,1%)	1 (3,3%)	19 (12%)
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
2	Tự tin, trách nhiệm	643	178	124	152	30	159
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	580 (90,2%)	168 (94,4%)	104 (83,9%)	130 (85,5%)	29 (96,7%)	149 (93,7%)
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	63 (9,8%)	10 (5,6%)	20 (16,1%)	22 (14,5%)	1 (3,3%)	10 (6,3%)
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
3	Trung thực, kỷ luật	643	178	124	152	30	159
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	601 (93,5%)	169 (94,9%)	115 (92,7%)	145 (95,4%)	29 (96,7%)	143 (89,9%)
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	42 (6,5%)	9 (5,1%)	9 (7,3%)	7 (4,6%)	1 (3,3%)	16 (10,1%)
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
4	Đoàn kết, yêu thương	643	178	124	152	30	159
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	617 (96%)	170 (95,5%)	112 (90,3%)	147 (96,7%)	30 (100%)	158 (99,4%)
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	26 (4%)	8 (4,5%)	12 (9,7%)	5 (3,3%)		1 (0,6%)
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
V	Số học sinh chia theo kết quả học tập.						
1	Tiếng Việt	643	178	124	152	30	159
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	512 (79,6%)	152 (85,4%)	85 (68,5%)	118 (77,6%)	28 (93,3%)	129 (81,1%)
b	Hoàn thành	126	22	38	34	2	30

	(tỷ lệ so với tổng số)	(19,6%)	(12,4%)	(30,6%)	(22,4%)	(6,7%)	(18,9%)
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	5 (0,8%)	4 (2,2%)	1 (0,9%)	/	/	/
2	Toán	643	178	124	152	30	159
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	486 (75,6%)	140 (78,7%)	90 (72,6%)	114 (75%)	23 (76,7%)	119 (74,8%)
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	155 (24,1%)	36 (20,2%)	34 (27,4%)	38 (25%)	7 (23,3%)	40 (25,2%)
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	2 (0,3%)	2 (1,1%)	/	/	/	/
3	Khoa học	189	/	/	/	30	159
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	172 (91%)	/	/	/	28 (93,3%)	144 (90,6%)
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	17 (9%)	/	/	/	2 (6,7%)	15 (9,4%)
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
4	Lịch sử và Địa lí	189	/	/	/	30	159
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	155 (82%)	/	/	/	28 (93,3%)	127 (79,9%)
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	34 (18%)	/	/	/	2 (6,7%)	32 (20,1%)
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/

5	Tiếng nước ngoài (Anh văn)	516	147	94	121	30	124
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	370 (71,7%)	123 (83,7%)	80 (85,1%)	76 (62,8%)	21 (70%)	70 (59,7%)
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	146 (28,3%)	24 (16,3%)	14 (14,9%)	45 (37,2%)	9 (30%)	54 (40,3%)
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
6	Đạo đức	643	178	124	152	30	159
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	600 (93,3%)	171 (96%)	108 (87,1%)	140 (92,1%)	30 (100%)	151 (95%)
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	43 (6,7%)	7 (4%)	16 (12,9%)	12 (7,9%)	/	8 (5%)
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
7	Tự nhiên và Xã hội	454	178	124	152	/	/
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	393 (86,6%)	168 (94,4%)	97 (78,2%)	128 (84,2%)	/	/
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	61 (13,4%)	10 (5,6%)	27 (21,8%)	24 (15,8%)	/	/
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
8	Âm nhạc	643	178	124	152	30	159
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	554 (86,2%)	154 (86,5%)	106 (85,5%)	132 (86,8%)	27 (90%)	135 (84,9%)
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	89 (13,8%)	24 (13,5%)	18 (14,5%)	20 (13,2%)	3 (10%)	24 (15,1%)

c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
9	Mĩ thuật	643	178	124	152	30	159
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	457 (71,1%)	134 (75,3%)	84 (67,7%)	106 (69,7%)	24 (80%)	109 (68,6%)
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	186 (28,9%)	44 (24,7%)	40 (32,3%)	46 (30,3%)	6 (20%)	50 (31,4%)
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
10	Thủ công (Kỹ thuật)	643	178	124	152	30	159
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	559 (86,9%)	165 (92,7%)	88 (71%)	124 (81,6%)	30 (100%)	152 (95,6%)
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	84 (13,1%)	13 (7,3%)	36 (29%)	28 (18,4%)	/	7 (4,4%)
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
11	Thể dục	643	178	124	152	30	159
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	548 (85,2%)	163 (91,6%)	106 (85,5%)	129 (84,9%)	24 (80%)	124 (78%)
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	95 (14,8%)	15 (8,4%)	18 (14,5%)	23 (15,1%)	6 (20%)	35 (22%)
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
12	Tin học	341	/	/	152	30	159
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	292 (85,6%)	/	/	122 (80,2%)	29 (96,7%)	141 (88,7%)
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	49 (14,4%)	/	/	30 (19,8%)	1 (3,3%)	18 (11,3%)
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
VI	Tổng hợp kết quả cuối năm	643	178	124	152	30	159
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	637 (90,1%)	173 (97,2%)	123 (99,2%)	152 (100%)	30 100%	159 100%
a	Trong đó: Học sinh được khen thưởng cấp trường. (tỷ lệ so với tổng số)	245 (38,1%)	96 (53,9%)	50 (40,3%)	47 (30,9%)	12 (40%)	40 (25,2%)
b	Học sinh được cấp trên khen thưởng. (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)						

Phú Nhuận, ngày 31 tháng 5 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Võ Cao Tùng